**Giáo án Sinh học LỚP 8**

**Học kì I**

**GV: ĐẶNG NGỌC TÚ**

**TRƯỜNG: THCS PHÚ LỢI**

**NH: 2020-2021**

**Tuần 2 Lớp dạy: Khối 8**

**Tiết 3** **Ngày dạy: 14/09/2020**

**Bài 3. TẾ BÀO**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- HS trình bày được các thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào.

- Phân biệt được chức năng từng cấu trúc của tế bào.

- Chứng minh được tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát tranh, mô hình để tìm kiến thức.

- Rèn tư duy suy luận logic, kĩ năng hoạt động nhóm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích bộ môn.

**II. Phư­ơng pháp, phương tiện**

- Tranh phóng to hình vẽ cấu tạo tế bào, màng sinh chất, ti thể, riboxom.

- Bảng phụ kẻ sẵn bảng 3.1; 3.2

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**-** Cơ thể người gồm mấy phần? Phần thân chứa những cơ quan nào?

- Kể tên các hệ cơ quan và chức năng của mỗi hệ cơ quan trong cơ thể?

**3. Bài mới**

VB: Cơ thể dù đơn giản hay phức tạp đều được cấu tạo từ tế bào.

- GV treo H 4.1 đến 4.4 phóng to, giới thiệu các loại tế bào cơ thể.

? Nhận xét về hình dạng, kích thước, chức năng của các loại tế bào?

- GV: Tế bào khác nhau ở các bộ phận nhưng đều có đặc điểm giống nhau.

***Hoạt động 1: Cấu tạo tế bào***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của gv*** | ***Hoạt động của hs*** | ***Nội dung*** |
| - Yêu cầu HS quan sát H 3.1 và cho biết cấu tạo một tế bào điển hình.  - Treo tranh H 3.1 phóng to để HS gắn chú thích.  GV nhận xét và thông báo đáp án đúng. | - Quan sát kĩ H 3.1 và ghi nhớ kiến thức.  - 1 HS gắn chú thích. Các HS khác nhận xét, bổ sung. | **I. *Cấu tạo tế bào***  Cấu tạo tế bào gồm 3 phần:  + Màng  +Tế bào chất gồm nhiều bào quan  + Nhân |

***Hoạt động 2: Chức năng của các bộ phận trong tế bào***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của gv*** | ***Hoạt động của hs*** | ***Nội dung*** |
| - Yêu cầu HS đọc và nghiên cứu bảng 3.1 để ghi nhớ chức năng các bào quan trong tế bào.  *- Màng sinh chất có vai trò gì? Tại sao?*  *- Lưới nội chất có vai trò gì trong hoạt động sống của tế bào?*  *- Năng lượng cần cho các hoạt động lấy từ đâu?*  *- Tại sao nói nhân là trung tâm của tế bào?*  *- Hãy giải thích mối quan hệ thống nhất về chức năng giữa màng, chất tế bào và nhân?*  GV kết luận, đưa đáp án đúng. | - Cá nhân nghiên cứu bảng 3.1 và ghi nhớ kiến thức.  - Dựa vào bảng 3 để trả lời.  HS hoàn thiện bảng. | ***II. Chức năng của các bộ phận trong tế bào***  Kết luận bảng 3 |

**Bảng 3.1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các bộ phận** | **Các bào quan** | **Chức năng** |
| Màng sinh chất |  | *Giúp tế bào thực hiện trao đổi chất* |
| Chất tế bào | - Lưới nội chất  - Riboxom  - Ti thể  - Bộ máy gôngi  - Trung thể | *Thực hiện các hoạt động sống của tế bào.*  - Tổng hợp và vận chuyển các chất.  - Nơi tổng hợp prôtêin.  - Tham gia hoạt động hô hấp giải phóng năng lượng.  - Thu nhận, hoàn thiện, phân phối sản phẩm.  - Tham gia quá trình phân chia tế bào. |
| Nhân | - NST  - Nhân con | *Điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.*  - Là cấu trúc quy định sự hình thành protein, có vai trò quyết định trong di truyền.  - Tổng hợp ARN ribôxôm. |

***Hoạt động 3: Thành phần hoá học của tế bào***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của gv*** | ***Hoạt động của hs*** | ***Nội dung*** |
| - Yêu cầu HS đọc mục III SGK và trả lời câu hỏi:  *- Cho biết thành phần hoá học chính của tế bào?*  *- Các nguyên tố hoá học cấu tạo nên tế bào có ở đâu?*  *- Tại sao trong khẩu phần ăn mỗi người cần có đủ prôtêin, gluxit, lipit, vitamin, muối khoáng và nước?* | - HS dựa vào SGK để trả lời.  - Trao đổi nhóm để trả lời.  + Các nguyên tố hoá học đó đều có trong tự nhiên.  + Ăn đủ chất để xây dựng tế bào giúp cơ thể phát triển tốt. | ***III. Thành phần hoá học của tế bào***  - Tế bào là một hỗn hợp phức tạp gồm nhiều chất hữu cơ và vô cơ  **a. Chất hữu cơ:**  + Prôtêin: C, H, O, S, N.  + Gluxit: C, H, O (tỉ lệ 1C:2H: 1O)  + Lipit: C, H, O (tỉ lệ O thay đổi tuỳ loại)  + Axit nuclêic: ADN, ARN.  **b. Chất vô cơ:** Muối khoáng chứa Ca, Na, K, Fe ... và nước. |

***Hoạt động 4: Hoạt động sống của tế bào***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của gv*** | ***Hoạt động của hs*** | ***Nội dung*** |
| - Yêu cầu HS nghiên cứu kĩ sơ đồ H 3.2 SGK để trả lời câu hỏi:  *- Hằng ngày cơ thể và môi trường có mối quan hệ với nhau như thế nào?*  *- Kể tên các hoạt động sống diễn ra trong tế bào.*  *- Hoạt động sống của tế bào có liên quan gì đến hoạt động sống của cơ thể*?  *- Qua H 3.2 hãy cho biết chức năng của tế bào là gì?* | - Nghiên cứu kĩ H 3.2, trao đổi nhóm, thống nhất câu trả lời.  + Cơ thể lấy từ môi trường ngoài oxi, chất hữu cơ, nước, muối khoáng cung cấp cho tế bào trao đổi chất tạo năng lượng cho cơ thể hoạt động và thải cacbonic, chất bài tiết.  + HS rút ra kết luận. | ***IV. Hoạt động sống của tế bào***  - Hoạt động của tế bào gồm: trao đổi chất, lớn lên, phân chia, cảm ứng.  => Tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể. |

**4. Củng cố và đánh giá**

Cho HS làm bài tập 1 (Tr 13 – SGK)

Hoàn thành bài tập sau bằng cách khoanh vào câu em cho là đúng:

Nói tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể vì:

a. Các cơ quan trong cơ thể đều được cấu tạo bởi tế bào.

b. Các hoạt động sống của tế bào là cơ sở cho các hoạt động của cơ thể.

c. Khi toàn bộ các tế bào chết thì cơ thể sẽ chết.

d. a và b đúng.

(đáp án d đúng)

**5. H­ướng dẫn về nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi 2 (Tr13- SGK)

- Vẽ sơ đồ cấu tạo tế bào vào vở, học thuộc tên và chức năng.

**IV. Rút kinh nghiệm**

* Cần nhắc lại kiến thức tế bào động vật và thực vật để HS nắm kĩ hơn.
* Cấu tạo của TB cơ thể người phức tạp hơn và chuyên hóa hơn.

**Tuần 2 Lớp dạy: Khối 8**

**Tiết 4** **Ngày dạy: 16/09/2020**

**Bài 4. MÔ**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- HS nêu được định nghĩa mô.

- Kể được các loại mô chính, cấu tạo và chức năng của chúng.

**2. Kĩ năng**

- Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh.

- Rèn luyện khả năng khái quát hoá, kĩ năng hoạt động nhóm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức học tập yêu thích môn học.

**II. Phư­ơng pháp, phương tiện**

- GV: Tranh phóng to hình 4.1 ⭢ 4.4 SGK.

- Hs: + Xem trước bài ở nhà.

+ Làm các câu hỏi mục tam giác vào vở bài soạn.

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Nêu cấu tạo và chức năng các bộ phận của tế bào?

- Chứng minh tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể?

**3. Bài mới**

VB: Trong cơ thể có rất nhiều tế bào, tuy nhiên xét về chức năng, người ta có thể xếp loại thành những nhóm tế bào có nhiệm vụ giống nhau, các nhóm đó gọi chung là mô. Vậy mô là gì? Trong cơ thể ta có những loại mô nào?

***Hoạt động 1: Khái niệm mô***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu HS đọc mục I SGK và trả lời câu hỏi:  *- Hãy kể tên những tế bào có hình dạng khác nhau mà em biết?*  *- Giải thích vì sao tế bào có hình dạng khác nhau?*  - GV phân tích: chính do chức năng khác nhau mà tế bào phân hoá có hình dạng, kích thước khác nhau. Sự phân hoá diễn ra ngay ở giai đoạn phôi.  *- Vậy mô là gì?* | - HS trao đổi nhóm để hoàn thành bài tập ▽.  - Dựa vào mục “Em có biết” ở bài trước để trả lời.  - Vì chức năng khác nhau.  - HS rút ra kết luận | **I. *Khái niệm mô***  - Mô là một tập hợp các tế bào chuyên hoá có cấu tạo giống nhau, đảm nhiệm chức năng nhất định. |

***Hoạt động 2: Các loại mô***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** | **Nội dung** |
| - Phát phiếu học tập cho các nhóm.  - Yêu cầu HS đọc mục II SGK.  - Quan sát H 4.1 và nhận xét về sự sắp xếp các tế bào ở mô biểu bì, vị trí, cấu tạo, chức năng. Hoàn thành phiếu học tập.  - GV treo tranh H 4.1 cho HS nhận xét kết quả. | - Kẻ sẵn phiếu học tập vào vở.  - Nghiên cứu kĩ hình vẽ kết hợp với SGK, trao đổi nhóm để hoàn thành vào phiếu học tập của nhóm.    - Đại diện nhóm báo cáo kết quả | **II. Cấu tạo, chức năng các loại mô**  Kết luận phần bảng bên dưới |
| - Yêu cầu HS đọc mục II SGK kết hợp quan sát H4.2, hoạt động nhóm để hoàn thành phiếu học tập.  - GV treo H 4.2 cho HS nhận xét. GV đặt câu hỏi:  *- Máu thuộc loại mô gì? Vì sao máu được xếp vào loại mô đó?*  *- Mô sụn, mô xương có đặc điểm gì? Nó nằm ở phần nào?*  - GV nhận xét, đưa kết quả đúng. | - HS trao đổi nhóm, hoàn thành phiếu học tập.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, nhận xét các nhóm khác.  - HS quan sát kĩ H 4.2 để trả lời. |  |
| - Yêu cầu HS đọc kĩ mục III SGK kết hợp quan sát H 4.3 trả lời câu hỏi:  *- Hình dạng tế bào cơ vân và cơ tim giống và khác nhau ở điểm nào?*  *- Tế bào cơ trơn có hình dạng và cấu tạo như thế nào?*  - Yêu cầu các nhóm hoàn thành tiếp vào phiếu học tập.  - GV nhận xét kết quả, đưa đáp án. | - Cá nhân nghiên cứu kết hợp quan sát H 4.3, trao đổi nhóm để trả lời:  - Hoàn thành phiếu học tập của nhóm. đại diện nhóm báo cáo kết quả. |  |
| - Yêu cầu HS đọc kĩ mục 4 kết hợp quan sát H4.4 để hoàn thành tiếp nội dung phiếu học tập.  - GV nhận xét, đưa kết quả đúng. | - Cá nhân đọc kĩ kết hợp quan sát H4.4; trao đổi nhóm hoàn thành phiếu học tập theo nhóm.  - Báo cáo kết quả. |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên các loại mô** | **Vị trí** | **Chức năng** | **Cấu tạo** |
| 1. Mô biểu bì  - Biểu bì bao phủ  - Biểu bì tuyến | - Phủ ngoài da, lót trong các cơ quan rỗng.( Ruột, bong dái)  - Nằm trong các tuyến của cơ thể. | - Bảo vệ, che chở, hấp thụ.  - Tiết các chất. | - Chủ yếu là tế bào, các tế bào xếp xít nhau, không có phi bào. |
| 2. Mô liên kết  - Mô sợi  - Mô sụn  - Mô xương  - Mô mỡ  - Mô máu và bạch huyết. | Có ở khắp nơi như:  - Dây chằng  - Đầu xương  - Bộ xương  - Mỡ  - Hệ tuần hoàn và bạch huyết. | - Nâng đỡ, liên kết các cơ quan hoặc là đệm cơ học.  - Cung cấp chất dinh dưỡng. | Chủ yếu là chất phi bào, các tế bào nằm rải rác. |
| 3. Mô cơ  - Mô cơ vân  - Mô cơ tim  - Mô cơ trơn | - Gắn vào xương  - Cấu tạo nên thành tim  - Thành nội quan | Co dãn tạo nên sự vận động của các cơ quan và cơ thể.  - Hoạt động theo ý muốn.  - Hoạt động không theo ý muốn.  - Hoạt động không theo ý muốn. | Chủ yếu là tế bào, phi bào ít. Các tế bào hình trụ, hình thoi dài, trong tế bào có nhiều tơ cơ.  - Tế bào có nhiều nhân, có vân ngang.  - Tế bào phân nhánh, có nhiều nhân, có vân ngang.  - Tế bào có hình thoi, đầu nhọn, có 1 nhân. |
| 4. Mô thần kinh | - Nằm ở não, tuỷ sống, có các dây thần kinh chạy đến các hệ cơ quan. | - Tiếp nhận kích thích và xử lí thông tin, điều hoà và phối hợp hoạt động các cơ quan đảm bảo sự thích ứng của cơ thể với môi trường. | - Gồm các tế bào thần kinh (nơron và các tế bào thần kinh đệm).  - Nơron có thân nối với các sợi nhánh và sợi trục. |

**4. Củng cố và đánh giá**

- GV: Hệ thống KT

-> + Yêu cầu 1 HS đọc ghi nhớ SGK.

+ Hoàn thành bài tập sau bằng cách khoanh vào câu đúng nhất:

1. Chức năng của mô biểu bì là:

a. Bảo vệ và nâng đỡ cơ thể.

b. Bảo vệ, che chở và tiết các chất.

c. Co dãn và che chở cho cơ thể.

2. Mô liên kết có cấu tạo:

a. Chủ yếu là tế bào có hình dạng khác nhau.

b. Các tế bào dài, tập trung thành bó.

c. Gồm tế bào và phi bào (sợi đàn hồi, chất nền)

3. Mô thần kinh có chức năng:

a. Liên kết các cơ quan trong cơ thể với nhau.

b. Các tế bào dài, tập trung thành bó.

c. Gồm tế bào và phi bào.

d. Điều hoà hoạt động các cơ quan.

e. Giúp các cơ quan hoạt động dễ dàng. (đáp án d đúng)

**5. H­ướng dẫn về nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK.

- Xem trước bài 5 -> Làm các câu hỏi mục tam giác vào vỡ bài soạn.

**IV. Rút kinh nghiệm**

* Bài dài, chú ý phân bố thời gian hợp lý.